TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10- 01- 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Mừng
2. Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, Tòa án nhân dân thành phố TN tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 760/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXXST-DS ngày 30/11/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ 3, ấp TT, xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 88, hẻm 20, đường HTP, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Quốc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N chung sống vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể dung hòa được, vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau. Anh

chị không tìm được biện pháp khắc phục và đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Anh nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn chị N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khởi M, sinh năm 2014. Anh T xin nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện anh T có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2017 anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, để anh, chị tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Cẩm N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N xác nhận lời trình bày của anh T về thời gian chung sống vợ chồng, việc đăng ký kết hôn và nguyên nhân anh T xin ly hôn là đúng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Khởi M, sinh năm 2014. Chị N xin nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc T và chị Trần Thị Cẩm N tự nguyện thuận tình ly hôn. Về con chung: Cháu M không thuộc trường hợp phải lấy lời khai, tuy nhiên cháu M là nữ, để đảm bảo cho cháu được chăm sóc tốt và phát triển toàn diện về giới tính, cháu M hiện đang sống với chị N, do đó giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị N, hiện chị N đang cư trú tại địa chỉ: Số 88, hẻm 20, đường HTP, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị N chung sống vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, không dung hòa được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay nhưng không ai có biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, cho thấy anh, chị có ý thức để mặc cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T, chị N tự nguyện thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Anh T, chị N có 01 con chung tên Lê Khởi M, sinh ngày 04/11/ 2014.

[4] Về việc nuôi con chung: Anh T, chị N đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, xét thấy, con chung của anh, chị có giới tính là nữ và sống cùng với chị N từ nhỏ, chị N có nghề nghiệp ổn định, làm việc tại nhà, thu nhập khá nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Đồng thời, chị N có tạo điều kiện cho anh T đến thăm nom con chung, được anh T thừa nhận. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về mức cấp dưỡng: Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện anh T có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2017 anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, để anh, chị tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh T.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Quốc T đối với chị Trần Thị Cẩm N. Giao con chung tên Lê Khởi M, sinh năm 2014 cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Quốc T chị Trần Thị Cẩm N tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Khởi M, sinh năm 2014 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Quốc T phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 1.225.000đ theo biên lai thu số 0004717 ngày 25/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN. Hoàn trả cho anh T 925.000đ (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TPTN;
-THADS TPTN;
-Phòng GĐKT;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung